



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY  
DỰNG ĐIỆN MÊ CA VNECO**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

## MỤC LỤC

## Trang

Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO công bố Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diện.

Tháng 04 năm 2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊ CA VNECO. Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊ CA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 9 ngày 18/08/2016 với mã số doanh nghiệp là 0303245217. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VES theo Quyết định số 72/QĐ-SGDHN ngày 05/02/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 18/03/2015.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2016: 90.075.000.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngày 05/12/2016, Công ty đã bán và bàn giao bất động sản tại địa chỉ trụ sở R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển trụ sở về địa chỉ mới tại số 740C Nguyễn Kiệm, Phường 04, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Công ty chưa đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cũng như chưa điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Điện thoại: (84) 08. 5410 5273
- Fax: (84) 08. 5410 5274
- Website: [www.mecavneco.com.vn](http://www.mecavneco.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;
- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa – quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công – nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao), buôn bán đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

**Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 12 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 3 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

**Hội đồng quản trị**

- |                      |          |                            |
|----------------------|----------|----------------------------|
| • Ông Lê Văn Khôi    | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/08/2016   |
| • Ông Ngô Văn Cường  | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012   |
|                      |          | Miễn nhiệm ngày 08/08/2016 |
| • Ông Lê Thạch Túy   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012   |
| • Ông Trần Quang Huy | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012   |
| • Ông Lâm Quốc Hải   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012   |
|                      |          | Miễn nhiệm ngày 15/09/2016 |
| • Ông Lê Chí Dũng    | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012   |
|                      |          | Miễn nhiệm ngày 17/10/2016 |

**Ban Kiểm soát**

- |                        |            |                          |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Hồ Văn Quang     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Nguyễn Văn Quảng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Võ Thành Lương   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |

**Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                     |                |                            |
|---------------------|----------------|----------------------------|
| • Ông Lê Văn Khôi   | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 08/08/2016   |
| • Ông Lâm Quốc Hải  | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 09/10/2010   |
|                     |                | Miễn nhiệm ngày 08/08/2016 |
| • Ông Mai Thái Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 16/01/2013   |

**Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Lê Văn Khôi**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2017



Số: 216/2017/BCKT-AAC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/02/2017, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

1. Tại thời điểm 31/12/2016, một số khoản nợ phải thu: 19.303.647.419 đồng; nợ phải trả: 1.428.225.324 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận; Kiểm toán viên cũng không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho (giá trị: 187.026.711 đồng) của Công ty. Những hạn chế này chúng tôi không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế do hạn chế từ phía Công ty. Ngoài ra, như trình bày tại điểm (\*) của Thuyết minh số 20, khoản nợ phải trả số tiền 927.130.471 đồng không có chi tiết cụ thể theo tên đối tượng nợ; kiểm toán viên cũng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kế toán cần thiết liên quan đến các khoản công nợ này. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục nêu trên tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
2. Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh báo cáo tài chính số 11 và số 30, trong năm Công ty đã hạch toán nhập kho nguyên vật liệu (422.441.834 đồng), ghi nhận vào khoản mục "Chi phí khác"

(15.829.365.200 đồng); đồng thời phản ánh tương ứng khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam là 17.876.987.737 đồng (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng). Đây là các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh từ năm 2007 đến năm 2010 nhưng đến nay mới được ghi nhận. Chúng tôi không được cung cấp tài liệu kế toán liên quan trực tiếp đến sự việc nêu trên trong các năm 2007 đến năm 2010. Chỉ với Biên bản làm việc giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam và Công ty ngày 22/5/2016, Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngày 25/05/2016 và Hóa đơn giá trị gia tăng của Tổng Công ty xuất ngày 26/5/2016, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra kết luận về các nghiệp vụ kinh tế nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính đính kèm.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

1. Theo kết quả kiểm kê hàng tồn kho để thực hiện việc bàn giao tài sản giữa ông Lâm Quốc Hải – Nguyên Giám đốc và ông Lê Văn Khôi – Giám đốc vào ngày 14/09/2016 thì giá trị hàng tồn kho thực tế thiếu so với giá trị ghi sổ kế toán là 279.208.464 đồng. Công ty đã hạch toán giá trị hàng thiếu này vào khoản mục “Tài sản thiếu chờ xử lý” và đến thời điểm 31/12/2016, Công ty vẫn chưa xác định được nguyên nhân thiếu để đưa ra hướng xử lý phù hợp.
2. Chúng tôi xin lưu ý vấn đề được trình bày tại mục 38 của Thuyết minh báo cáo tài chính: Lỗ lũy kế của Công ty tính tới thời điểm 31/12/2016 là 76.738.060.819 đồng và nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản lưu động là 6.882.879.949 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.
3. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303245217 điều chỉnh lần thứ 9 vào ngày 18/08/2016, Công ty đăng ký vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2016, vốn thực góp tại Công ty là 90.075.000.000 đồng.



**Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1  
Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2017

**Nguyễn Thị Quỳnh Hương – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1321-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.526.573.372</b>	<b>9.045.721.105</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.744.977.542</b>	<b>6.699.118.610</b>
1. Tiền	111		3.744.977.542	6.699.118.610
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.565.506.206</b>	<b>1.902.658.203</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.817.292.226	7.355.541.564
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.549.923.463	1.612.966.167
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	11.755.969.381	12.310.057.425
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(18.836.887.328)	(19.375.906.953)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	279.208.464	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>187.026.711</b>	<b>414.881.379</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	187.026.711	414.881.379
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.062.913</b>	<b>29.062.913</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.b	29.062.913	29.062.913
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>22.357.978.214</b>	<b>178.072.845.537</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.074.207.448</b>	<b>3.377.890.695</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.082.220.188	2.385.903.435
- Nguyên giá	222		3.501.300.127	3.501.300.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.419.079.939)	(1.115.396.692)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	991.987.260	991.987.260
- Nguyên giá	228		991.987.260	991.987.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>19.114.367.130</b>	<b>174.586.504.561</b>
- Nguyên giá	231		20.799.204.468	178.485.216.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.684.837.338)	(3.898.711.629)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>169.403.636</b>	<b>108.450.281</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	169.403.636	108.450.281
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>27.884.551.586</b>	<b>187.118.566.642</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.409.453.321</b>	<b>124.903.796.502</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.409.453.321</b>	<b>124.903.796.502</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	508.608.610	38.186.475.135
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	890.406.299	890.406.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.a	2.848.242.442	63.897.197
4. Phải trả người lao động	314		-	84.832.100
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	151.326.273	207.828.105
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	961.713.686	40.151.519.653
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	6.063.853.673	44.333.535.675
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		985.302.338	985.302.338
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.475.098.265</b>	<b>62.214.770.140</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>15.475.098.265</b>	<b>62.214.770.140</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	90.075.000.000	90.075.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.075.000.000	90.075.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	2.138.159.084	2.138.159.084
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	(76.738.060.819)	(29.998.388.944)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(29.998.388.944)	(22.775.159.266)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(46.739.671.875)	(7.223.229.678)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>27.884.551.586</b>	<b>187.118.566.642</b>



Lê Văn Khôi

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	141.412.437.165	7.419.507.915
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		141.412.437.165	7.419.507.915
4. Giá vốn hàng bán	11	25	158.323.175.242	7.301.218.649
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>(16.910.738.077)</u>	<u>118.289.266</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	183.346.371	166.085.341
7. Chi phí tài chính	22	27	74.341.352	4.509.706.222
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		74.341.352	4.509.706.222
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	818.181.818	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	2.198.054.415	2.981.043.603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(19.817.969.291)</u>	<u>(7.206.375.218)</u>
11. Thu nhập khác	31	29	2.230.283.279	63.593.250
12. Chi phí khác	32	30	16.457.721.946	80.447.710
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(14.227.438.667)</u>	<u>(16.854.460)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	31	<u>(34.045.407.958)</u>	<u>(7.223.229.678)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	12.694.263.917	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	31	<u>(46.739.671.875)</u>	<u>(7.223.229.678)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(5.189)	(802)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	(5.189)	(802)



Lê Văn Khôi

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		143.280.115.692	14.805.362.045
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(59.312.219.835)	(8.377.060.404)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.015.666.100)	(1.055.927.400)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	20	(33.222.972.820)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	18.b	(12.694.263.917)	(29.062.913)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.820.049.595	799.046.654
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.722.848.052)	(4.575.288.822)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>35.132.194.563</b>	<b>1.567.069.160</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(843.595.454)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26	183.346.371	178.282.563
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>183.346.371</b>	<b>(665.312.891)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	20.092.341.352	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(58.362.023.354)	(285.649.999)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(38.269.682.002)</b>	<b>(285.649.999)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(2.954.141.068)</b>	<b>616.106.270</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	6.699.118.610	6.083.012.340
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>3.744.977.542</b>	<b>6.699.118.610</b>



Lê Văn Khôi

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diện.

Tháng 04 năm 2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊ CA VNECO. Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊ CA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 9 ngày 18/08/2016 với mã số doanh nghiệp là 0303245217. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VES theo Quyết định số 72/QĐ-SGDHN ngày 05/02/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 18/03/2015.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp truyền tải điện.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;
- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa - quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao), buôn bán đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.2 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.4 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc, thiết bị	8 - 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	8

**4.5 Tài sản cố định vô hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.6 Bất động sản đầu tư****Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

**Khấu hao**

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

**4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

**4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4.13 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn xây lắp và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

**4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

**4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

**4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

**4.17 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

M.S.D.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động xây lắp và cho thuê tài sản.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**4.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	35.605.675	80.316.114
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.709.371.867	6.618.802.496
<b>Cộng</b>	<b>3.744.977.542</b>	<b>6.699.118.610</b>

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Về Nguồn	-	483.284.025
Công ty CP Kết Cấu Thép Thành Long Vineco	5.945.985.689	5.945.985.689
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	819.537.651	874.502.960
Các đối tượng khác	51.768.886	51.768.890
<b>Cộng</b>	<b>6.817.292.226</b>	<b>7.355.541.564</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Thương mại Tư vấn Tân Cơ	279.805.341	279.805.341
Công ty Liên Doanh Phú Mỹ Hưng	309.481.060	309.481.060
Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Thép Thành Long	158.135.627	158.135.627
Công ty TNHH Khanh Lê	384.000.000	384.000.000
Công ty TNHH XD Và TM Thành Đức	93.545.500	93.545.500
Công ty TNHH TM - DV - XD Hưng Thịnh	83.978.000	83.978.000
Ông Nguyễn Gia Quang	72.273.052	72.273.052
Công ty TNHH Xây Lắp Điện Tâm Giang	110.404.148	110.404.148
Các đối tượng khác	58.300.735	121.343.439
<b>Cộng</b>	<b>1.549.923.463</b>	<b>1.612.966.000</b>

Trar  
Dư c**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hải Vân Sơn (1)	5.037.311.951	5.037.311.951	5.037.311.951	5.037.311.951
+ Lãi vay Công ty trả thay	4.037.311.951	4.037.311.951	4.037.311.951	4.037.311.951
+ Gốc vay Công ty trả thay	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ông Đỗ Mạnh Hùng (2)	6.140.157.899	6.140.157.899	6.140.157.899	6.140.157.899
Ông Võ Văn Khôi	-	-	10.159.500	10.159.500
Cán bộ công nhân viên	227.553.988	227.553.988	227.553.988	227.553.988
Tạm ứng	340.332.838	-	326.719.675	-
Các đối tượng khác	10.612.705	-	568.154.412	-
<b>Cộng</b>	<b>11.755.969.381</b>	<b>11.405.023.838</b>	<b>12.310.057.425</b>	<b>11.415.183.338</b>

(1) Đây là khoản phải thu Công ty TNHH Hải Vân Sơn liên quan đến Hợp đồng mua bán Khách sạn Xanh Sài Gòn ngày 28/12/2008. Theo Hợp đồng này Công ty bán Khách sạn Xanh Sài Gòn tại địa chỉ số 740C, đường Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn. Công ty đã thế chấp Khách sạn Xanh Sài Gòn bảo lãnh cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 9 Tp. Hồ Chí Minh, số tiền 14 tỷ đồng. Công ty TNHH Hải Vân Sơn nhận tiền vay và đã chuyển cho Công ty số tiền 13 tỷ đồng. Đến thời điểm trả nợ gốc và lãi vay (tương ứng số tiền trình bày trên) thì Công ty TNHH Hải Vân Sơn bị mất khả năng thanh toán. Do tài sản này vẫn chưa làm thủ tục sang tên nên thuộc quyền sở hữu của Công ty và vì vậy Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả nợ thay cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn theo quy định của Hợp đồng thế chấp bảo lãnh đã ký kết.

(2) Đây là khoản tiền Công ty tạm ứng cho Ông Đỗ Mạnh Hùng để thực hiện việc xin cấp giấy phép xây dựng Dự án 277 Bến Bình Đông. Tuy nhiên, Ông Đỗ Mạnh Hùng đã nghỉ việc và chưa cung cấp hóa đơn chứng từ để quyết toán khoản tạm ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	18.836.887.328	19.375.906.953
- Từ 3 năm trở lên	18.836.887.328	19.375.906.953
<b>Cộng</b>	<b>18.836.887.328</b>	<b>19.375.906.953</b>

**Trong đó: Nợ xấu**

	31/12/2016			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng	5.997.754.575	-		
Công ty TNHH SX TM XNK Thiên Đức	18.000.000	-	> 3 năm	
Chủ thuê KS Green Mê ca - Bùi Bằng Đoàn	3.469.000	-	> 3 năm	
Công ty TNHH Cơ khí XD SX Phương Hoàng	29.999.864	-	> 3 năm	
Công ty CP Kết cấu thép Thành Long - Vneco	5.945.985.689	-	> 3 năm	
Công Ty TNHH Cơ Khí Ông Sáu	300.022	-	> 3 năm	
Trả trước người bán	1.434.108.915	-		
Công ty CP Thương mại Tư vấn Tân Cơ	279.805.341	-	> 3 năm	
Công ty Liên Doanh Phú Mỹ Hưng	309.481.060	-	> 3 năm	
CN Long An - Cty TNHH Thép Thành Long	158.135.627	-	> 3 năm	
DNTN Thương mại Sơn Quốc	14.287.788	-	> 3 năm	
Công ty TNHH XD Và TM Thành Đức	93.545.500	-	> 3 năm	
Công ty TNHH Khanh Lê	384.000.000	-	> 3 năm	
Công ty TNHH TM - DV - XD Hưng Thịnh	83.978.000	-	> 3 năm	
Đoàn Văn Hợi (B ngoài DZ 500KV PM-SM)	38.602.547	-	> 3 năm	
Ông Nguyễn Gia Quang	72.273.052	-	> 3 năm	
Phải thu khác	11.405.023.838	-		
Công ty TNHH Hải Vân Sơn	5.037.311.951	-	> 3 năm	Đã giải thể
Ông Đỗ Mạnh Hùng	6.140.157.899	-	> 3 năm	
Cán bộ công nhân viên	227.553.988	-	> 3 năm	Đã nghỉ việc
<b>Cộng</b>	<b>18.836.887.328</b>	<b>-</b>		

(\*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi là giá trị còn lại sau khi lấy giá gốc trừ đi mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2016	01/01/2016
Hàng tồn kho	279.208.464	-
- Nguyên vật liệu	279.208.464	-
<b>Cộng</b>	<b>558.416.928</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là bu lông mạ kẽm, các loại vật tư và phụ kiện thiếu theo kết quả kiểm kê bàn giao thực tế vào ngày 14/09/2016.

**11. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (*)	187.026.711	-	43.793.341	-
Chi phí SX, KD dở dang	-	-	371.088.038	-
<b>Cộng</b>	<b>187.026.711</b>	<b>-</b>	<b>414.881.379</b>	<b>-</b>

(\*) Nguyên vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2016 bao gồm bu lông mạ kẽm, các loại vật tư và phụ kiện dùng để thi công đường dây tải điện mà Công ty nhận mua lại của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam từ năm 2009 đến nay mới được ghi nhận nhập kho theo Biên bản làm việc giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam ngày 22/5/2016.

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	635.027.954	1.199.473.636	1.554.873.637	111.924.900	3.501.300.127
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Đ/tư XDCB h/thành	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>635.027.954</b>	<b>1.199.473.636</b>	<b>1.554.873.637</b>	<b>111.924.900</b>	<b>3.501.300.127</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	15.875.699	441.406.780	555.162.511	102.951.702	1.115.396.692
Khấu hao trong năm	31.751.398	107.471.288	155.487.363	8.973.198	303.683.247
<b>Số cuối năm</b>	<b>47.627.097</b>	<b>548.878.068</b>	<b>710.649.874</b>	<b>111.924.900</b>	<b>1.419.079.939</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	619.152.255	758.066.856	999.711.126	8.973.198	2.385.903.435
<b>Số cuối năm</b>	<b>587.400.857</b>	<b>650.595.568</b>	<b>844.223.763</b>	<b>-</b>	<b>2.082.220.188</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 111.924.900 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	991.987.260	991.987.260
Mua trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>991.987.260</b>	<b>991.987.260</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	991.987.260	991.987.260
<b>Số cuối năm</b>	<b>991.987.260</b>	<b>991.987.260</b>

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 12, xã An Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An, Tỉnh Long An, diện tích 615 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng làm văn phòng, nhà ở nhân viên và kho chứa vật tư.

**14. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Mặt bằng tại 277 Bến Bình Đông	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	62.025.542.600	18.515.338.724	97.944.334.866	178.485.216.190
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
Bán trong năm (*)	47.880.152.600	11.861.524.256	97.944.334.866	157.686.011.722
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.145.390.000</b>	<b>6.653.814.468</b>	<b>-</b>	<b>20.799.204.468</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Số đầu năm	-	3.898.711.629	-	3.898.711.629
Khấu hao trong năm	-	701.075.137	-	701.075.137
Giảm do bán trong năm	-	2.914.949.428	-	2.914.949.428
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.684.837.338</b>	<b>-</b>	<b>1.684.837.338</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	62.025.542.600	14.616.627.095	97.944.334.866	174.586.504.561
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.145.390.000</b>	<b>4.968.977.130</b>	<b>-</b>	<b>19.114.367.130</b>

Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc còn lại là Khách sạn Xanh Sài Gòn tại địa chỉ số 740C Nguyễn Kiệm, Phường 04, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 26059/HĐTC ngày 22/12/2016 được ký giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam thì Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất này đã được bàn giao thế chấp tại Tổng Công ty Cổ phần Điện Việt Nam để đảm bảo cho các khoản vay còn lại của Công ty.

(\*) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng các bất động sản gồm Quyền sử dụng đất tại số 277 Bến Bình Đông; Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại số R1-72 và R4-71 Bùi Bằng Đoàn, Khu phố Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	169.403.636	108.450.281
<b>Cộng</b>	<b>169.403.636</b>	<b>108.450.281</b>

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	-	37.280.412.585
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Phước Vy	204.005.800	-
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	65.950.384	65.950.384
Công ty TNHH MTV XD Điện Miền Tây Cao Bằng	24.397.500	24.397.500
Ông Nguyễn Minh Điện	42.159.900	42.159.900
Ông Lê Xuân Diệm	111.732.800	111.732.800
Ông Cao Duy Phượng	-	140.000.000
Ông Trần Ngọc Thảo	-	23.166.000
Ông Lê Quang Trị	-	485.227.280
Các đối tượng khác	60.362.226	13.428.686
<b>Cộng</b>	<b>508.608.610</b>	<b>38.186.475.135</b>

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Thép Thành Long	890.406.299	890.406.299
<b>Cộng</b>	<b>890.406.299</b>	<b>890.406.299</b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****a. Phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	63.897.197	5.216.653.398	2.432.308.153	2.848.242.442
Thuế thu nhập cá nhân	-	67.500.000	67.500.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	99.782.919	99.782.919	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>63.897.197</b>	<b>5.386.936.317</b>	<b>2.602.591.072</b>	<b>2.848.242.442</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Phải thu**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.062.913	12.694.263.917	12.694.263.917	29.062.913
<b>Cộng</b>	<b>29.062.913</b>	<b>12.694.263.917</b>	<b>12.694.263.917</b>	<b>29.062.913</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công trình	128.599.000	128.599.000
Chi phí trợ cấp thôi việc phải trả	-	56.501.832
Chi phí khác	22.727.273	22.727.273
<b>Cộng</b>	<b>151.326.273</b>	<b>207.828.105</b>

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	5.372.800	4.350.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	8.230.495
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	-	33.789.615.497
- Lãi vay phải trả	-	33.148.631.468
- Kinh phí đền bù	-	543.350.000
- Phải trả khác	-	97.634.029
Thù lao HĐQT & BKS	-	51.900.000
Phải trả CBNV	29.210.415	30.293.190
Nhận ký quỹ, ký cược	-	5.340.000.000
Phải trả khác (*)	927.130.471	927.130.471
<b>Cộng</b>	<b>961.713.686</b>	<b>40.151.519.653</b>

(\*) Khoản phải trả khác nhưng không có tên cụ thể từng đối tượng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	44.333.535.675	20.092.341.352	58.362.023.354	6.063.853.673
Tổng Công ty CP XD Điện Việt Nam	44.333.535.675	20.092.341.352	58.362.023.354	6.063.853.673
<b>Cộng</b>	<b>44.333.535.675</b>	<b>20.092.341.352</b>	<b>58.362.023.354</b>	<b>6.063.853.673</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	90.075.000.000	2.138.159.084	(22.775.159.266)	69.437.999.818
Tăng trong năm	-	-	(7.223.229.678)	(7.223.229.678)
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>90.075.000.000</u>	<u>2.138.159.084</u>	<u>(29.998.388.944)</u>	<u>62.214.770.140</u>
Số dư tại 01/01/2016	90.075.000.000	2.138.159.084	(29.998.388.944)	62.214.770.140
Tăng trong năm	-	-	(46.739.671.875)	(46.739.671.875)
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>90.075.000.000</u>	<u>2.138.159.084</u>	<u>(76.738.060.819)</u>	<u>15.475.098.265</u>

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.007.500	9.007.500
- Cổ phiếu phổ thông	9.007.500	9.007.500
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.007.500	9.007.500
- Cổ phiếu phổ thông	9.007.500	9.007.500
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(29.998.388.944)	(22.775.159.266)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	(46.739.671.875)	(7.223.229.678)
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>(76.738.060.819)</b>	<b>(29.998.388.944)</b>

**23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

Nợ khó đòi đã xử lý	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco 8	89.877.346	Nợ quá lâu không thể đòi được
Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh	13.624.588	Nợ quá lâu không thể đòi được
Công ty TNHH Máy tính & Truyền thông	1.770.000	Nợ quá lâu không thể đòi được
Ông Lê Thất Hậu (Sửa phần mềm kế Toán)	1.500.000	Nợ quá lâu không thể đòi được
Ông Đặng Thanh Sơn	450.000	Nợ quá lâu không thể đòi được
Bảo Minh Sài Gòn-Phòng Khai Thác BH số 1	896.000	Nợ quá lâu không thể đòi được
<b>Cộng</b>	<b>108.117.934</b>	

**24. Doanh thu**

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu xây lắp	2.746.090.751	5.330.417.011
Doanh thu cho thuê tài sản	930.454.541	2.089.090.904
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	137.735.891.873	-
<b>Cộng</b>	<b>141.412.437.165</b>	<b>7.419.507.915</b>

**25. Giá vốn**

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn xây lắp	2.938.022.324	6.645.503.803
Giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng	614.090.624	655.714.846
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán bất động sản đầu tư	154.771.062.294	-
<b>Cộng</b>	<b>158.323.175.242</b>	<b>7.301.218.649</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	183.346.371	166.085.341
<b>Cộng</b>	<b>183.346.371</b>	<b>166.085.341</b>

**27. Chi phí tài chính**

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền vay	-74.341.352	4.509.706.222
<b>Cộng</b>	<b>74.341.352</b>	<b>4.509.706.222</b>

**28. Chi phí phát sinh trong năm****a. Chi phí bán hàng**

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí hoa hồng môi giới bán BĐS đầu tư	818.181.818	-
<b>Cộng</b>	<b>818.181.818</b>	<b>-</b>

**b. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	62.037.887	58.285.723
Chi phí nhân công	930.834.000	1.012.314.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	140.880.280	200.682.325
Hoàn nhập dự phòng	(536.173.625)	(36.305.892)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.204.275.695	1.500.889.109
Các khoản khác	396.200.178	245.178.338
<b>Cộng</b>	<b>2.198.054.415</b>	<b>2.981.043.603</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***29. Thu nhập khác**

	Năm 2016	Năm 2015
Thanh lý phế liệu	17.400.000	-
Thu tiền phạt khách hàng vi phạm hợp đồng (*)	2.000.000.000	-
Thu nhập khác (xử lý nợ)	184.994.079	63.593.250
Các khoản khác	27.889.200	-
<b>Cộng</b>	<b>2.230.283.279</b>	<b>63.593.250</b>

(\*) Đây là khoản thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng liên quan đến việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại dự án số 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

**30. Chi phí khác**

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí vật tư bỏ sót các kỳ trước chưa ghi nhận (*)	15,829,365,200	-
Chi phí hỗ trợ di dời trả lại mặt bằng 277 Bến Bình Đông	85,000,000	-
Chi phí các công trình không được nghiệm thu	444,191,533	-
Các khoản chi phí khác	99,165,213	80,447,710
<b>Cộng</b>	<b>16,457,721,946</b>	<b>80,447,710</b>

(\*) Đây là giá trị vật tư thu hồi (bao gồm: thép, bu lông mạ kẽm) mà Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (Tổng Công ty) ký gửi tại kho Nhà máy chế tạo kết cấu thép của Công ty theo Biên bản gửi hàng ngày 31/12/2008. Năm 2009 và năm 2010, Công ty chuyển nhượng Nhà máy chế tạo kết cấu thép cũng như toàn bộ lượng vật tư thép, bu lông hiện có tại Nhà máy cho Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long. Biên bản làm việc giữa Tổng Công ty và Công ty vào ngày 22/5/2016 đã xác nhận toàn bộ số vật tư mà Tổng Công ty ký gửi trên đã được chuyển nhượng cùng với việc chuyển nhượng Nhà máy và giá trị chuyển nhượng liên quan đến số vật tư ký gửi này đã được Công ty đã ghi nhận vào Thu nhập khác trong năm 2010. Do đó hai bên thống nhất là Công ty phải thanh toán lại cho Tổng Công ty giá trị vật tư đã chuyển nhượng này và Công ty đã ghi nhận khoản giá gốc của giá trị vật tư này vào chi phí khác của năm 2016.

11/01/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(34.045.407.958)	(7.223.229.678)
- LNKT từ hoạt động kinh doanh	(16.192.055.719)	(7.223.229.678)
- LNKT từ việc chuyển nhượng BĐS đầu tư	(17.853.352.239)	-
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	97.516.727.540	4.876.921.511
- Điều chỉnh tăng	98.020.735.119	4.876.921.511
- Chi phí không hợp lệ	16.457.721.946	151.215.289
- Chi phí lãi vay do góp thiếu vốn điều lệ	74.341.352	4.509.706.222
- Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	164.000.000	216.000.000
- Chi phí đầu tư dự án bị hủy bỏ	30.944.334.866	-
- Giá trị BĐS đầu tư thanh lý không được trừ	50.380.336.955	-
- Điều chỉnh giảm (chuyển lỗ hoạt động kinh doanh)	504.007.579	-
Tổng thu nhập chịu thuế	63.471.319.582	(2.346.308.167)
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	-	-
- Thu nhập từ việc chuyển nhượng BĐS đầu tư	63.471.319.582	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>12.694.263.917</b>	<b>-</b>

**32. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(46.739.671.875)	(7.223.229.678)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(46.739.671.875)	(7.223.229.678)
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.007.500	9.007.500
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(5.189)</b>	<b>(802)</b>

**33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	618.105.375	2.226.236.798
Chi phí nhân công	1.254.793.960	1.287.159.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.004.758.384	988.800.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.005.918.019	3.201.099.509
Chi phí khác bằng tiền	1.745.726.798	2.800.714.016
<b>Cộng</b>	<b>6.629.302.536</b>	<b>10.504.010.263</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### 34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong hai bộ phận kinh doanh chính là hoạt động xây lắp và hoạt động cho thuê tài sản và một bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

01  
NG  
F  
V  
A  
1  
1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Xây lắp		Cho thuê tài sản		Khác		Tổng cộng	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bộ phận	2.746.090.751	5.330.417.011	930.454.541	2.089.090.904	137.735.891.873	-	141.412.437.165	7.419.507.915
Giá vốn bộ phận	2.938.022.324	6.645.503.803	614.090.624	655.714.846	154.771.062.294	-	158.323.175.242	7.301.218.649
Doanh thu hoạt động tài chính	136.945.348	119.321.138	46.401.023	46.764.203	-	-	183.346.371	166.085.341
Chi phí tài chính	55.527.155	3.239.920.361	18.814.197	1.269.785.861	-	-	74.341.352	4.509.706.222
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	818.181.818	-	818.181.818	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.641.774.117	2.141.679.167	556.280.298	839.364.436	-	-	2.198.054.415	2.981.043.603
<b>Lợi nhuận thuần h. động KD</b>	<b>(1.752.287.497)</b>	<b>(6.577.365.182)</b>	<b>(212.329.555)</b>	<b>(629.010.036)</b>	<b>(17.853.352.239)</b>	<b>-</b>	<b>(19.817.969.291)</b>	<b>(7.206.375.218)</b>
Thu nhập khác	212.883.279	45.687.470	17.400.000	17.905.780	2.000.000.000	-	2.230.283.279	63.593.250
Chi phí khác	543.356.746	57.796.264	85.000.000	22.651.446	15.829.365.200	-	16.457.721.946	80.447.710
<b>Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác</b>	<b>(330.473.467)</b>	<b>(12.108.795)</b>	<b>(67.600.000)</b>	<b>(4.745.665)</b>	<b>(13.829.365.200)</b>	<b>-</b>	<b>(14.227.438.667)</b>	<b>(16.854.460)</b>
Lợi nhuận trước thuế	(2.082.760.964)	(6.589.473.977)	(279.929.555)	(633.755.701)	(31.682.717.439)	-	(34.045.407.958)	(7.223.229.678)
Thuế TNDN	-	-	-	-	12.694.263.917	-	12.694.263.917	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(2.082.760.964)</b>	<b>(6.589.473.977)</b>	<b>(279.929.555)</b>	<b>(633.755.701)</b>	<b>(44.376.981.356)</b>	<b>-</b>	<b>(46.739.671.875)</b>	<b>(7.223.229.678)</b>
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Tài sản cố định hữu hình	2.082.220.188	2.385.903.435	-	-	-	-	2.082.220.188	2.385.903.435
- Nguyên giá	3.501.300.127	3.501.300.127	-	-	-	-	3.501.300.127	3.501.300.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.419.079.939)	(1.115.396.692)	-	-	-	-	(1.419.079.939)	(1.115.396.692)
Tài sản cố định vô hình	991.987.260	991.987.260	-	-	-	-	991.987.260	991.987.260
- Nguyên giá	991.987.260	991.987.260	-	-	-	-	991.987.260	991.987.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	-	-	19.114.367.130	174.586.504.561	-	-	19.114.367.130	174.586.504.561
- Nguyên giá	-	-	20.799.204.468	178.485.216.190	-	-	20.799.204.468	178.485.216.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	(1.684.837.338)	(3.898.711.629)	-	-	(1.684.837.338)	(3.898.711.629)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**35. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nguyên vật liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về lãi suất. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do các khoản vay chủ yếu với lãi suất vay cố định nên Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu**

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Giám đốc đánh giá rằng công tác quản lý rủi ro tín dụng của Công ty trong thời gian qua chưa hiệu quả dẫn đến có một số lượng lớn các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác bị quá hạn liên quan đến một số khách hàng không có khả năng thanh toán. Do đó, Giám đốc Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp cản trở công nợ, đôn đốc thu nợ kịp thời và lập dự phòng rủi ro.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

11/2/2015



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	508.608.610	-	508.608.610
Chi phí phải trả	151.326.273	-	151.326.273
Vay và nợ thuê tài chính	6.063.853.673	-	6.063.853.673
<b>Cộng</b>	<b>6.723.788.556</b>	<b>-</b>	<b>6.723.788.556</b>
<b>01/01/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	38.186.475.135	-	38.186.475.135
Chi phí phải trả	207.828.105	-	207.828.105
Vay và nợ thuê tài chính	44.333.535.675	-	44.333.535.675
Phải trả khác	39.129.615.497	-	39.129.615.497
<b>Cộng</b>	<b>121.857.454.412</b>	<b>-</b>	<b>121.857.454.412</b>

Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty hiện đang cao.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>31/12/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.744.977.542	-	3.744.977.542
Phải thu khách hàng	819.537.651	-	819.537.651
Phải thu khác	10.612.705	-	10.612.705
<b>Cộng</b>	<b>4.575.127.898</b>	<b>-</b>	<b>4.575.127.898</b>
<b>01/01/2016</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.699.118.610	-	6.699.118.610
Phải thu khách hàng	874.502.960	-	874.502.960
Phải thu khác	568.154.412	-	568.154.412
<b>Cộng</b>	<b>8.141.775.982</b>	<b>-</b>	<b>8.141.775.982</b>

**36. Các sự kiện nổi bật trong năm tài chính**

Ngày 28/01/2016, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ lô đất tại địa chỉ số 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị chuyển nhượng 92 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT) mà trước đó đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 thông qua.

Ngày 04/08/2016, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc mới là ông Lê Văn Khôi thay thế cho Giám đốc cũ là ông Lâm Quốc Hải kể từ ngày 08/08/2016. Thống nhất triệu tập Đại hội cổ đông bất thường để thông qua công tác thay đổi nhân sự của Hội đồng quản trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Ngày 15/09/2016, Công ty đã tiến hành Đại hội cổ đông bất thường và kết quả Đại hội cổ đông đã biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- Đồng ý miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Ngô Văn Cường và ông Lâm Quốc Hải; bầu bổ sung ông Lê Văn Khôi là thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2017.
- Thông qua việc giảm số lượng thành viên HĐQT từ 5 thành viên xuống còn 3 thành viên.
- Giao cho HĐQT sửa đổi Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc chuyển nhượng tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Khách sạn Xanh Meca, số R1-72 và R4-71 đường Bùi Bằng Đoàn, Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, với giá chuyển nhượng khởi điểm từ 45 tỷ đồng trở lên.

Ngày 05/12/2016, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng tài sản trên với tổng giá trị chuyển nhượng là 52 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

Ngày 17/10/2016, ông Lê Chí Dũng đã nộp đơn từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.

Ngày 05/09/2016, Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (trước đây là Công ty mẹ) đã đăng ký bán toàn bộ số cổ phần đang sở hữu tại Công ty là 6.310.000 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ nắm giữ 70,05%/Vốn thực góp). Đến ngày 15/12/2016 thì cổ đông này đã hoàn thành việc bán toàn bộ số cổ phiếu tại Công ty và không còn là bên liên quan của Công ty.

**37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**38. Thông tin về hoạt động liên tục**

Đến ngày 31/12/2016, lỗ lũy kế của Công ty là 76.738.060.819 đồng. Tại thời điểm này, các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản lưu động là 6.882.879.949 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Các báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty có khả năng hoạt động liên tục.

**39. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Lê Văn Khôi

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

**Trụ sở chính tại Đà Nẵng**

Lô 78-80, Đường 30/4,  
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam  
Tel : +(84-236) 3655 886  
Fax: +(84-236) 3655 887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

**Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

Lầu 4, Toà nhà Hoàng Đan  
47-49 Hoàng Sa, Quận 1  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel : +(84-28) 3910 2235  
Fax: +(84-28) 3910 2349  
Email: aac.hcm@aac.vnn.vn

**Chi nhánh Hà Nội**

Tầng 6, tòa nhà Việt Á  
Số 09 Duy Tân, Cầu Giấy  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +(84-24) 3224 2403  
Fax: +(84-24) 3224 2402  
Email: aac.hn@aac.com.vn

**Văn phòng Hà Nội**

Phòng 1401, HACINCO  
B3.7 Hoàng Đạo Thúy,  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +(84-24) 6285 4661  
Fax: +(84-24) 6285 4696  
Email: aac.hanoi@aac.com.vn